TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/HS-ST
Ngày: 06/3/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Nhẫn**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Lý Ngân**
2. Ông **Lâm Ngọc Hà**

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông **Đinh Quốc Thanh**, là thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa***: Ông **Vũ Văn Luận** - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 01/2020/TLST-HS, ngày 10 tháng 01 năm 2020 (theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2020/QĐXXST-HS, ngày 13/02/2020), đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Hữu T**, sinh năm 1981, tại Sóc Trăng. Nơi cư trú: Ấp X, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Thợ cửa sắt; Trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Ngọc C và bà Nguyễn Thị T; có vợ và 01 người con (Đã ly hôn); Tiền án: có 02 tiền án: Vào ngày 14/8/2007 bị Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, tuyên xử phạt 04 năm tù về "Tội cố ý gây thương tích", bị cáo chấp hành án tại Trại giam Kênh 7, Bộ Công an, đến ngày 01/9/2009 chấp hành án xong (đã được xóa án tích); Vào ngày 07/02/2012 bị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, tuyên xử phạt 06 tháng tù, về "Tội cố ý gây thương tích", bị cáo chấp hành án tại Trại giam Kênh 7, Bộ Công an, đến ngày 07/10/2012 chấp hành án xong (đã được xóa án tích); Tiền sự: có 01 tiền sự: Vào ngày 30/5/2017 bị TAND thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương ra Quyết định đưa đi cai nghiện bắt buộc với thời gian 16 tháng, tại Trung tâm Giáo dục, Lao động - Tạo việc làm tỉnh Bình Dương, đến 30/4/2018 thì cai nghiện xong. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam, kể từ ngày 03/9/2019 cho đến nay (bị cáo có mặt).

2. Họ và tên: **Nguyễn Xuân L**, sinh ngày 14/11/2000, tại Sóc Trăng. Nơi cư trú: đường Q, khóm a, phường b, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Thợ cửa sắt; Trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không;

Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn P và bà Phan Thị K; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam, kể từ ngày 21/8/2019 cho đến nay (bị cáo có mặt).

-*Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Xuân L*: Luật sư ông **Bạch Sỹ C**, sinh năm 1956 – Văn phòng Luật sư Bạch Sỹ C – Thuộc đoàn luật sư tỉnh Sóc Trăng.

Địa chỉ: đường N, Phường v, Thành phố S, tỉnh Sóc Trăng

- *Người bị hại:* Bà **Võ Thị Thùy D**, sinh năm 1988; nơi cư trú: ấp C , xã H, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*:

1. Ông **Nguyễn Văn P**, sinh năm 1979; nơi cư trú: đường Q, khóm a, phường b, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

2. Ông **Phan Hoàng Q**, sinh ngày 01/9/2002; nơi cư trú: đường Q, khóm a, phường b, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

3. Ông **Hà Ngọc T**, sinh năm 1996; nơi cư trú:, đường Điện B, khóm b, phường c, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

- *Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Phan Hoàng Quân*: Ông **Phan Văn T**, sinh ngày 01/01/1985; nơi cư trú: đường N, khóm c, phường h, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Người tham gia tố tụng khác (người làm chứng)*:

1. Bà **Phan Thị V**, sinh năm 1979; nơi cư trú: ấp M, thị trấn C, huyện P tỉnh Hậu Giang (có mặt).

2. Bà **Phan Thị K**, sinh năm 1977; nơi cư trú: đường Q, khóm a, phường b, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

3. Bà **Võ Thị Kim N**, sinh năm 1994; nơi cư trú: ấp C, xã H, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

4. Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1963; nơi cư trú: ấp X, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 06 giờ sáng ngày 20/8/2019, Nguyễn Hữu T điều khiển xe mô tô từ nhà ở ấp X, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng đến cơ sở làm cửa sắt của ông Nguyễn Văn P (cha ruột của L), đường Q, khóm a, phường b, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng để làm việc, tại đây Thọ gặp L và rủ L đi uống cà phê thì L đồng ý. Thọ điều khiển xe của T còn L điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Exciter 150, màu đỏ - đen biển kiểm soát 83P3-813.94, trên đường đi uống cà phê T mới rủ L "Mày chở anh đi vòng vòng coi có ai để điện thoại sơ hở thì giật bán kiếm tiền xài", thì L đồng ý. Sau đó, T chạy xe đến quán nước mía trên đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, thuộc phường 7, thành phố Sóc Trăng gửi xe rồi đi với L.

Lúc này, L điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 83P3-813.94 chở T ngồi phía sau, đi từ thành phố Sóc Trăng về hướng Khu Công nghiệp An Nghiệp, sau đó rẽ vào Quốc lộ 60 đi về hướng xã Trường Khánh, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng, với mục

đích tìm người để điện thoại sơ hở để thực hiện hành vi "Cướp giật tài sản". Khi Lộc chở T chạy qua khỏi khu vực chợ Trường Khánh, thuộc xã Trường Khánh, huyện Long Phú, Thọ phát hiện chị Võ Thị Thùy D điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 83P3-506.55 chở phía sau chị ruột tên Võ Thị Kim N, đang để điện thoại di động trong túi quần bên trái phía trước nên Thọ kêu L điều khiển xe quay đầu lại bám theo xe của chị D. Lúc này, T nói với L "em chạy áp sát vô để anh giật điện thoại" nhưng L không dám áp mà điều khiển xe chạy vượt qua xe chị D. Thấy vậy, T kêu L dừng xe để T điều khiển thì lúc này xe của chị D chạy vượt lên. Sau đó, T điều khiển xe chở L ngồi phía sau đuổi theo xe chị D, khi đến địa phận ấp Phụng Hiệp, xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng (lúc này khoảng 06 giờ 50 phút), thì T chạy xe áp sát vào xe chị D rồi dùng tay phải (tay cầm ga) giật 01 cái điện thoại di động của chị D đang để trong túi quần phía trước bên trái rồi nhanh chóng tẩu thoát khỏi hiện trường.

Sau khi về đến chỗ làm, T đưa chiếc điện thoại vừa giật được cho L đi mở khóa. L rủ Phan Hoàng Q là anh em bạn dì với L đi đánh bi da và mở khóa điện thoại. Trên đường đi, L có nói cho Q biết "Hồi sáng tao với anh T mới đi giật điện thoại của người ta, điện thoại người ta để trong túi mà anh T còn giật được, lại tới đẳng rồi tao cho mày coi". L lấy điện thoại Iphone 6S Plus mà T vừa giật được đưa cho Q xem. Sau đó, Q và L đi đến cửa hàng điện thoại di động "Tín" trên đường Phú Lợi, nhưng tiệm này đóng cửa nên Q và L tiếp tục đi đến cửa hàng điện thoại di động "Toàn" trên đường Lê Hồng Phong, thành phố Sóc Trăng để mở mật khẩu nhưng không mở được. Đến khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, T chở Lộc đến cửa hàng điện thoại di động "Hưng Cơ", đường Trần Văn Viễn, khóm 1, phường 8, thành phố Sóc Trăng để mở mật khẩu. Tại đây, T đưa điện thoại cho anh Hà Ngọc T là nhân viên của cửa hàng để mở mật khẩu thì anh T nói mở được mật khẩu và hẹn đến 12 giờ 30 phút quay lại lấy điện thoại.

Đối với bị hại D, sau khi sự việc xảy ra đã đến Công an xã An Hiệp, huyện Châu Thành trình báo sự việc và cung cấp số xe mô tô của đối tượng đã giật tài sản của mình. Nhận thấy có dấu hiệu của tội "Cướp giật tài sản" nên Công an xã An Hiệp đã chuyển tin báo trên đến Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an huyện Châu Thành để giải quyết theo quy định của pháp luật. Qua kiểm tra, xác minh cùng những tài liệu chứng cứ thu được, Cơ quan điều tra đã ra Lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với Nguyễn Xuân L, đồng thời thu giữ chiếc điện thoại di động nêu trên để tiến hành kiểm tra, xác minh làm rõ. Qua đấu tranh làm việc, thì L thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Riêng đối với T sau khi sự việc xảy ra đã bỏ trốn khỏi địa phương, đến ngày 03/9/2019 Thọ đến Cơ quan điều tra, Công an huyện Châu Thành đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 22/2019/HĐĐG-TCKH, ngày 10/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện Châu Thành kết luận: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus, màu xám tại thời điểm bị chiếm đoạt ngày 20/8/2019 có giá 6.650.000 đồng.

Ngày 24/8/2019, Cơ quan điều tra, Công an huyện Châu Thành đã ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định khởi tố bị can và ra lệnh tạm giam đối với Nguyễn Xuân L về "Tội cướp giật tài sản" theo quy định tại khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự. Ngày 05/9/2019 ra quyết định khởi tố bị can và ra lệnh tạm giam đối với Nguyễn Hữu T về "Tội cướp giật tài sản" theo quy định tại khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự.

Về vật chứng của vụ án trong quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT, Công an huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, đã tạm giữ:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, số loại Exciter, màu sơn đỏ đem bạc, biển kiểm soát 83P3-813.94; số máy G3D4E828564, số khung 1010JY062836.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus, màu xám, có ốp lưng nhựa màu trắng trong suốt; số Emei 355732070779730 .

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, màu vàng đồng, có ốp lưng nhựa màu đen, số máy MQ3E2VN/A, số Emei 356679083455288.

- 01 USB màu đen nhãn hiệu KLEVV NEO C20.

- 01 USB màu xanh nhãn hiệu KING TON, có khung bảo vệ bằng kim loại màu trắng, dung lượng 4G.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức giao trả lại cho chủ sở hữu quản lý hợp pháp gồm:

- Trả lại cho bà Võ Thị Thùy D: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus, màu xám, có ốp lưng nhựa màu trắng trong suốt; số Emei 355732070779730 .

- Trả lại cho ông Nguyễn Văn P: 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, số loại Exciter, màu sơn đỏ đem bạc, biển kiểm soát 83P3-813.94; số máy G3D4E828564, số khung 1010JY062836.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Xuân L: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, màu vàng đồng, có ốp lưng nhựa màu đen, số máy MQ3E2VN/A, số Emei 356679083455288 (Lộc ủy quyền cho ông Phước nhận thay).

Riêng các vật chứng: 01 USB màu đen nhãn hiệu KLEVV NEO C20 và 01 USB màu xanh nhãn hiệu KING TON, có khung bảo vệ bằng kim loại màu trắng, dung lượng 4G, thì Cơ quan điều tra tiếp tục bảo quản để xử lý theo quy định của pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: người bị hại Võ Thị Thùy D đã nhận được tài sản và không yêu cầu các bị cáo bồi thường nên không đặt ra để xem xét.

Tại Cáo trạng số 03/CT-VKS-CT, ngày 09/01/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, đã truy tố các bị cáo Nguyễn Hữu T và Nguyễn Xuân L, về "Tội cướp giật tài sản", quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm h, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo T và L. Riêng bị cáo L áp

dụng thêm điểm t khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự. Đề nghị tuyên phạt các bị cáo:

Bị cáo Nguyễn Hữu T, mức án từ 03 năm đến 04 năm tù.

Bị cáo Nguyễn Xuân L, mức án từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: người bị hại Võ Thị Thùy D đã nhận được tài sản và không yêu cầu các bị cáo bồi thường nên không đặt ra để xem xét.

* Về xử lý vật chứng: áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên giao trả cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hà Ngọc T 01 USB màu đen nhãn hiệu KLEVV NEO C20. Riêng, đối với 01 USB màu xanh nhãn hiệu KING TON, có khung bảo vệ bằng kim loại màu trắng, dung lượng 4G của bà Phan Thị K nhưng tại phiên tòa hôm nay, bà K không yêu cầu nhận lại cho nên đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu và tiêu hủy theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Xuân L có ý kiến cho rằng: Thống nhất theo tội danh và Điều luật áp dụng đối với bị cáo L mà vị Kiểm sát viên đề nghị; Về vai trò đồng phạm giữa bị cáo L và bị cáo T chỉ đồng phạm về chiếc xe, vì xe mô tô của bị cáo L và bị cáo L chỉ thực hành là tiêu thụ tài sản do bị cáo T giật tài sản của người bị hại mà có; Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo L ngồi ở phía sau xe, còn bị cáo T điều khiển xe và dùng tay giật điện thoại di động của bị hại. Hành vi phạm tội của bị cáo L là do bị bị cáo T rủ rê. Ngoài ra, do bị cáo L có 03 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và 03 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do đó, vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ và đúng theo quy định của pháp luật. Do bị cáo Lộc có nhiều tình tiết giảm nhẹ như đã phân tích nêu trên, nên đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo L dưới mức án của Viện kiểm sát đề nghị.

Lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng và lời đề nghị Luật sư bào chữa cho bị cáo L là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, ý kiến của các bị cáo, của luật sư cùng lời khai của những người tham gia tố tụng khác;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Tại phiên tòa vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hà Ngọc T và người làm chứng bà Võ Thị Kim N, mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ. Hội đồng xét xử xét thấy, sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử và lời khai của họ

đã có trong hồ sơ vụ án, nên căn cứ Điều 292, Điều 293 và Điều 299 Bộ luật Tố tụng hình sự, quyết định xét xử vắng mặt những người nêu trên.

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra và truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Ngoài ra, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, không có người nào có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên toà hôm nay, các bị cáo Nguyễn Hữu T và Nguyễn Xuân L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp với lời khai trước đây của bị cáo tại Cơ quan điều tra và phù hợp với lời khai của người bị hại, lời khai của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, lời khai của những người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường, bản kết luận định giá về tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án mà Cơ quan điều tra đã thu thập được.

[3] Từ những tình tiết trong vụ án cho thấy, để có tiền tiêu xài phục vụ cho mục đích cá nhân nên khoảng 06 giờ 50 phút ngày 20/8/2019, tại ấp Phụng Hiệp, xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, bị cáo Nguyễn Hữu T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 83P3-813.94 (là phương tiện nguy hiểm) chở bị cáo Nguyễn Xuân L chạy áp sát vào xe mô tô của bị hại Võ Thị Thùy D đang chạy cùng chiều phía trước và bị cáo T đã giật 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus, màu xám của chị D đang để trong túi quần bên trái phía trước, rồi nhanh chóng tẩu thoát. Tài sản của bị hại D bị chiếm đoạt qua định giá 6.650.000 đồng. Hành vi trên của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được Bộ luật hình sự bảo vệ; gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở địa phương. Chính vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, truy tố các bị cáo theo tội danh và khung hình phạt nêu trên là đúng người, đúng tội và đúng theo quy định của pháp luật, không oan cho các bị cáo.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, có đầy đủ sức khỏe để lao động làm ra của cải nhưng lại muốn hưởng thụ trên thành quả lao động của người khác nên các bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi cướp giật tài sản của người bị hại. Như vậy, các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Hành vi trên là trái pháp luật, là nguy hiểm cho xã hội nên cần phải được xử lý nghiêm khắc.

Để đánh giá đúng tính chất, mức độ, hành vi và vai trò của từng bị cáo khi lượng hình như sau:

Đối với bị cáo Nguyễn Hữu T: giữ vai trò chính trong vụ án, bị cáo là người khởi xướng, rủ rê bị cáo L cùng thực hiện hành vi phạm tội, trực tiếp là người điều khiển xe chở bị cáo L cướp giật tài sản của bị hại, cho nên bị cáo phải bị xử lý nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra.

Đối với bị cáo Nguyễn Xuân L: giữ vai trò là người giúp sức, sau khi được T rủ rê cướp giật tài sản của người khác thì bị cáo đồng ý và trực tiếp đưa xe mô tô của bị cáo cho bị cáo T để giật điện thoại của bị hại cho nên bị cáo cũng phải bị xử lý nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra.

Cũng cần xem xét hiện nay tại địa bàn nông thôn và các khu dân cư trên địa bàn đã xảy ra nhiều vụ cướp giật tài sản, gây hoang mang trong dư luận, làm giảm sút lòng tin của nhân dân với chính quyền. Do đó, xét thấy cần xử lý nghiêm hành vi trên để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội.

Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Phan Hoàng Q: quá trình điều tra đã chứng minh được, ông Q biết được hành vi của các bị cáo L và T cướp giật điện thoại của bị hại Dương, sau đó còn cùng với bị cáo L đi tìm chỗ để mở mật khẩu nhưng không mở được. Ngoài ra, Cơ quan điều tra cũng chứng minh được, bị cáo Lộc cũng không hứa hẹn với Q sẽ cho Q tiền để tiêu xài sau khi mở được mật khẩu điện thoại và bán được tài sản. Qua đó, hành vi của Q chưa đủ yếu tố cấu thành "Tội che dấu tội phạm và Tội không tố giác tội phạm" theo quy định tại Điều 389 và Điều 390 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, hành vi của Q cũng không cấu thành "Tội chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*"* theo quy định tại Điều 323 Bộ luật hình sự nên không đặt ra xem xét.

Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn P: quá trình điều tra đã chứng minh được, ông P là chủ sở hữu p tiện xe mô tô nhãn hiệu Excitrer 150, biển kiểm soát 83P3-813.94. Việc bị cáo L sử dụng xe trên làm phương tiện phạm tội thì ông P không biết. Qua đó, không có căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự với vai trò đồng phạm trong vụ án nên không đặt ra để xem xét.

Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Hà Ngọc T: Quá trình điều tra đã chứng minh được, ông T có nhận mở mật khẩu chiếc điện thoại đi động nhãn hiệu Iphone 6S Plus do các bị cáo L và T mang đến, nhưng ông T không biết chiếc điện thoại trên là do phạm tội mà có nên không đặt ra xem xét trách nhiệm hình sự.

Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo T và L mặc dù thống nhất cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội, nhưng giữa các bị can không có sự cấu kết chặt chẽ, không phân công vai trò cụ thể của từng người nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, không thuộc tình tiết phạm tội có tổ chức.

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo T và L không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo T và L có tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự "Dùng thủ đoạn nguy hiểm", theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hội đồng xét xử có xem xét, cân nhắc, khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; bị cáo Thọ có cậu

ruột là liệt sĩ, bị cáo L có bà ngoại là người có công với nước. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, bị cáo T sau khi phạm tội đã ra đầu thú. Do đó, khi lượng hình, Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết nêu trên để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo theo quy định tại các điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo L được áp dụng thêm điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự do bị cáo tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm và trong quá trình giải quyết vụ án. Do bị cáo L có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nên Hội đồng xét xử quyết định áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự xét xử bị cáo mức hình phạt dưới khung để bị cáo và mọi người có mặt tại phiên tòa thấy được tính nhân đạo của pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: người bị hại Võ Thị Thùy D đã nhận được tài sản và không yêu cầu các bị cáo bồi thường nên không đặt ra để xem xét.

Về vật chứng của vụ án: Đối với vật chứng 01 USB màu đen nhãn hiệu KLEVV NEO C20. Hội đồng xét xử xét thấy, đây là tài sản của ông Hà Ngọc T, nên cần giao trả lại cho ông T theo quy định của pháp luật. Đối 01 USB màu xanh nhãn hiệu KING TON, có khung bảo vệ bằng kim loại màu trắng, dung lượng 4G. Hội đồng xét xử xét thấy, vật chứng nêu trên là tài sản của bà Phan Thị K, nên cần giao trả lại cho bà K, nhưng tại phiên tòa bà K không yêu cầu nhận lại, cho nên cần tịch thu tiêu hủy theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Hữu T và Nguyễn Xuân L là người bị kết án, nên bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1**.** *Tuyên bố:* các bị cáo **Nguyễn Hữu T và Nguyễn Xuân L**, phạm tội "Cướp giật tài sản"

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; các điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Hữu T và Nguyễn Xuân L. Riêng bị cáo Nguyễn Xuân L được áp dụng thêm điểm t khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự. Điểm b khoản 2 Điều 106; Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 299; Điều 333 và Điều 338 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ khoản 1, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Hữu T** 03 (ba) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/9/2019.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Xuân L** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21/8/2019.

2. *Về xử lý vật chứng của vụ án*:

Tuyên giao trả cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Hà Ngọc T 01 USB màu đen nhãn hiệu KLEVV NEO C20.

Tuyên tịch thu và tiêu hủy: 01 USB màu xanh nhãn hiệu KING TON, có khung bảo vệ bằng kim loại màu trắng, dung lượng 4G. (theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 09/01/2019, giữa Công an huyện Châu Thành và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành).

3. *Về án phí:* Buộc các bị cáo Nguyễn Hữu T và Nguyễn Xuân L, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. *Về quyền kháng cáo:* các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt, thì được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử vụ án theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ST;
- VKSND tỉnh ST;
- VKSND huyện CT;
- Bị cáo, BH, NCLQ;
- Chi cục THADS huyện CT;
- Cơ quan THAHS Công an huyện CT;
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Nhẫn